

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐỒ GỖ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Trần Văn Hùng, Vũ Thu Hương
Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Bài viết nhằm nêu rõ thực trạng phát triển của thị trường đồ gỗ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, những cơ hội và thách thức phát triển thị trường đồ gỗ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong những năm vừa qua nhu cầu đồ gỗ thế giới rất lớn và tăng trưởng ổn định trên 3%/năm, ngành đồ gỗ của Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ và đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận như: kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của ngành tăng nhanh; sản phẩm gỗ và đồ gỗ ngày càng phong phú và đa dạng; sản phẩm gỗ sản xuất ngày càng có giá tăng cao; được tiêu thụ ở nhiều quốc gia và thị trường lớn trên thế giới; nguyên liệu gỗ sử dụng cho sản xuất ngày được tự chủ và có nguồn gốc hợp pháp. Song đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam chỉ mới chiếm một phần nhỏ so với thị phần của thế giới; ngành chế biến gỗ cũng gặp những thách thức là phải đối mặt với việc gia tăng xu hướng bảo hộ của Chính phủ các nước đối tác; sản phẩm xuất khẩu vẫn chủ yếu là sản phẩm thô; thị trường tiêu thụ nội địa chưa được khai thác triệt để và thiếu những chính sách hỗ trợ tiêu thụ nội địa. Bên cạnh đó, bài viết phân tích những cơ hội và thách thức của thị trường đồ gỗ nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị đối với Chính phủ, hiệp hội chế biến gỗ Việt Nam, các doanh nghiệp chế biến gỗ nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành chế biến gỗ trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ hội, hội nhập quốc tế, phát triển, thách thức, thị trường đồ gỗ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành chế biến gỗ của Việt Nam đã được hình thành, tồn tại và phát triển lâu đời ở nước ta. Sản phẩm chế biến không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Trước năm 1990 Việt Nam đã xuất khẩu đồ gỗ chủ yếu sang các nước Đông Âu và Liên Xô. Từ sau năm 1990, thị trường xuất khẩu đồ gỗ chế biến của nước ta được mở rộng sang Mỹ, EU, Nhật Bản, Nga và nhiều nước ASEAN. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, đàm phán TPP và AEC đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam, thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Quy mô và năng lực chế biến của ngành tăng nhanh, sản phẩm chế biến được tiêu thụ rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Giá trị của ngành chế biến gỗ tăng nhanh thể hiện sự đóng góp lớn của ngành vào nền kinh tế quốc gia. Hiện nay, nhu cầu sử dụng đồ gỗ trên thế giới là rất lớn (theo World Bank năm 2018 tổng giá trị tiêu thụ về gỗ và sản phẩm gỗ của thế giới khoảng gần 500 tỷ USD), với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng gần 10%/năm. Đây lại là thị trường có sự tăng trưởng khá đều đặn, trừ một số giai đoạn kinh tế thế giới khó khăn khiến nhu cầu giảm sút. Trong một thị trường quy mô lớn như vậy, sản phẩm đồ gỗ nội thất Việt Nam đến năm 2018 mới chỉ chiếm khoảng 2 - 3% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ thế giới. Vì vậy, có thể nói cơ hội phát triển cho ngành gỗ chế biến Việt Nam trong tương lai còn rất lớn. Chính vì vậy,

nghiên cứu này tập trung phân tích tình hình phát triển thị trường đồ gỗ ở Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập quốc tế và những cơ hội cũng như thách thức đặt ra đối với ngành.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tình hình phát triển của thị trường đồ gỗ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Ngành chế biến gỗ và lâm sản Việt Nam bao gồm ngành chế biến gỗ (gỗ và sản phẩm gỗ) và lâm sản ngoài gỗ. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam, Hiệp hội chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội chế biến gỗ Bình Định, Tổng cục Hải quan để tổng hợp nhằm sử dụng phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của thị trường đồ gỗ Việt Nam. Cụ thể nguồn số liệu về tổng quan thị trường đồ gỗ thế giới, tổng quan thị trường đồ gỗ của Việt Nam: về kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng của đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2018; về thị trường xuất khẩu và cơ cấu thị trường xuất khẩu; về sản phẩm gỗ và đồ gỗ xuất khẩu; đối với thị trường trong nước; về nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2018.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ yếu là kế thừa, thống kê mô tả, phương pháp tổng hợp kết hợp với bảng biểu, đồ thị minh họa.

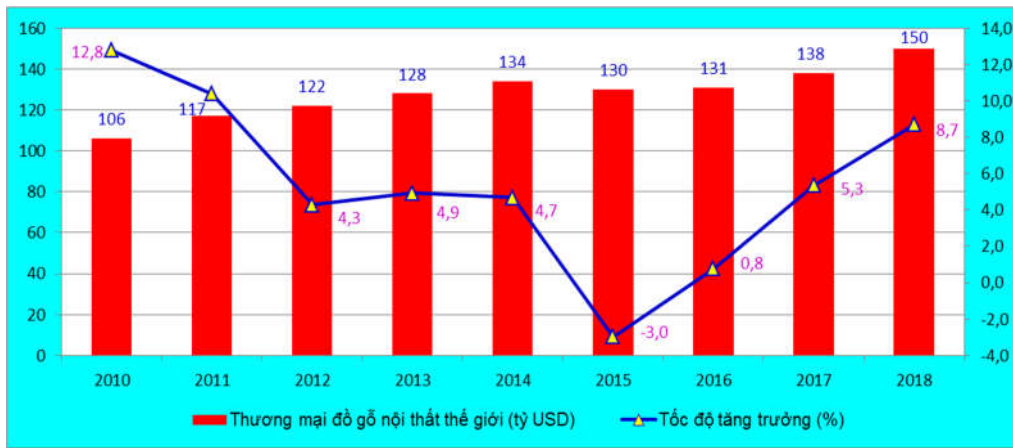
Sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích bản chất, tình hình, cơ hội và thách thức đối với thị trường đồ gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam nhằm xác định cơ hội và thách thức của ngành chế biến gỗ xuất khẩu trong quá trình hội nhập quốc tế.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng quan về thị trường đồ gỗ thế giới

Theo dự báo của Ngân hàng thế giới (WB), năm 2019 tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục giữ vững sự ổn định ở mức 2% đến 3% và cũng theo Trung tâm nghiên cứu công nghiệp

(CSIL), năm 2018 tổng sản lượng đồ nội thất và đồ gỗ của 100 quốc gia lớn nhất thế giới tính theo GDP ước đạt 450 tỷ USD, giá trị thương mại đồ gỗ nội thất của thế giới khoảng 150 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng đồ gỗ nội thất thế giới dự báo ở mức 3,2%, đây sẽ là điều kiện thuận lợi để ngành công nghiệp chế biến gỗ có cơ hội mở rộng sản xuất, xuất khẩu sản phẩm. Năm 2010 thương mại đồ gỗ nội thất thế giới đạt 106 tỷ USD thì tới năm 2015 là 130 tỷ USD tăng 22,64% so với năm 2010, đến năm 2018 con số này là 150 tỷ USD tăng 15,38% so với năm 2015 và bình quân giai đoạn 2010-2018 thì tốc độ tăng trưởng của đồ gỗ nội thất thế giới tăng 5,4%/năm với số liệu được trình bày ở hình 1.

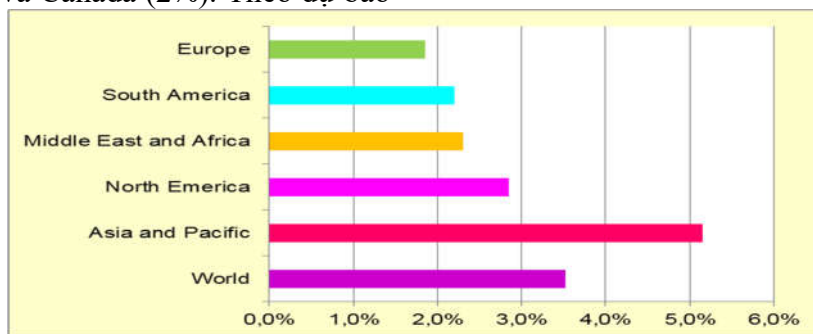


Hình 1. Thương mại đồ gỗ nội thất thế giới giai đoạn 2010-2018

(Nguồn: CSIL, 2018)

Đối với tổng sản lượng đồ gỗ nội thất thế giới thì Trung Quốc chiếm 40% sản lượng toàn cầu. Hoa Kỳ, nhà sản xuất lớn thứ hai chiếm 12%, theo sau là Đức (5%), Ý (4%), Ấn Độ (4%), Ba Lan (3%), Nhật Bản (2%), Việt Nam (2%), Anh (2%) và Canada (2%). Theo dự báo

tiêu thụ đồ gỗ nội thất toàn thế giới được dự báo sẽ tăng 3,2% trong năm 2019. Khu vực tăng trưởng nhanh nhất tiếp tục là châu Á và Thái Bình Dương, các khu vực khác tăng từ 1% đến 3%.



Hình 2. Dự báo tiêu thụ đồ gỗ nội thất toàn cầu năm 2019

(% thay đổi hàng năm theo giá trị thực)

(Nguồn: CSIL, 2018)

Hiện nay, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam và các sản phẩm gỗ nội thất mới

chiếm thị phần rất nhỏ trong thị phần toàn cầu. Do vậy, có rất nhiều cơ hội để ngành chế biến

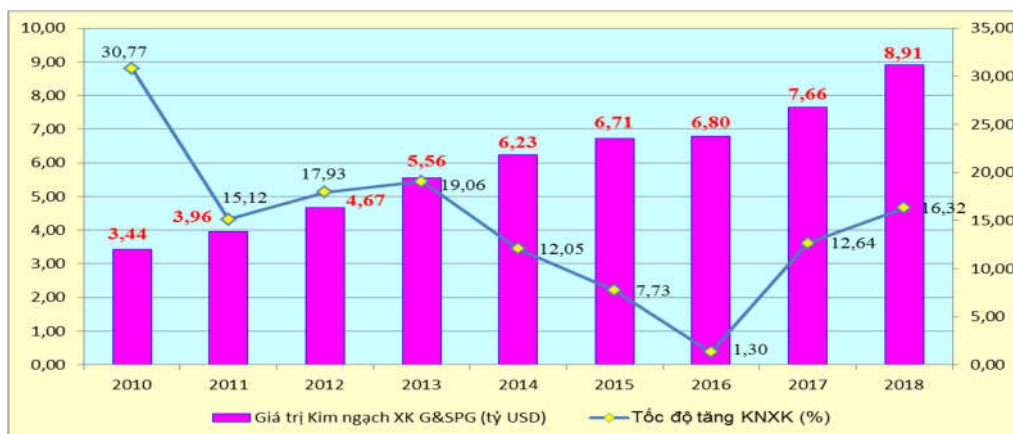
gỗ Việt Nam đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, sự gia tăng tiêu thụ tại các thị trường mới, tiềm năng như Hàn Quốc, Canada, Liên minh Kinh tế Á - Âu, Trung Nam Á, AEC... mở ra cơ hội cho xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam thời gian tới, đặc biệt là đồ gỗ nội thất trang trí phong cách cổ điển.

3.2. Tổng quan thị trường đồ gỗ của Việt Nam

3.2.1. Về kim ngạch xuất khẩu

Sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Hàng năm sản phẩm của ngành chế biến gỗ xuất khẩu mang lại giá trị kim ngạch đáng kể, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách nhà nước. Cụ thể, năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt 345 triệu USD đến năm 2005 đạt 1.562 triệu USD, trong giai đoạn 2000-2007, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam tăng mạnh với mức độ tăng trưởng bình quân hàng năm vào khoảng trên 20%. Tuy nhiên từ giữa năm 2008 do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cùng với những khó khăn trong nước như thiếu vốn, chi phí lãi vay tăng cao, chi phí đầu tư tăng... ngành công nghiệp gỗ đã gặp phải rất nhiều khó khăn và đối mặt với nguy cơ giảm mạnh tăng trưởng trong những năm sau. Kết thúc năm 2008, kim ngạch xuất khẩu gỗ đạt 2654 triệu USD, tăng 6% so với năm 2007 nhưng chỉ đạt 93,3% kế hoạch đề ra trong năm và năm 2009 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ giảm 9,79% so với năm 2008. Trong năm 2008, Chính phủ đưa ra các biện

pháp nhằm kiềm chế lạm phát và giảm nhập siêu. Đây là điều khó khăn đối với ngành gỗ, một ngành mà nguyên vật liệu chính chủ yếu dựa vào nhập khẩu. Với giá bán không thay đổi và có xu hướng giảm trong khi các yếu tố đầu vào tác động đến giá thành tăng từ 15%-20% là một gánh nặng với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, giá dầu tăng dẫn đến giá vận chuyển nguyên liệu tăng cao, từ Nam Phi về Việt Nam giá vận tải chiếm đến 27% giá gỗ nguyên liệu, từ Nam Mỹ là 37% và từ Thái Bình Dương là 45%... Từ sau tháng 10 năm 2009 thị trường xuất khẩu gỗ đã dần phục hồi và tăng trưởng cao. Năm 2010 đạt 3.435 triệu USD, tăng gấp 1,2 lần so với năm 2005 và năm 2013 kim ngạch xuất khẩu đạt 5.591 triệu USD, tăng 2.155,2 triệu USD tức tăng 62,72% so với năm 2010. Năm 2014 với tốc độ tăng là 11,43% so với năm 2013. Năm 2015 kim ngạch của ngành đạt 6.899,2 triệu USD tăng 10,74% tương ứng với tăng 669,1 triệu USU so với năm 2014. Năm 2018, năm thành công lớn của ngành gỗ và các sản phẩm gỗ Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 8,91 tỷ USD, tăng 16,32% so với năm 2017. Trong cả giai đoạn 2010 - 2018, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành liên tục duy trì ở mức tương đối cao, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn này là 14,77%/năm. Ngành gỗ và các sản phẩm đồ gỗ có tốc độ tăng trưởng bình quân năm trên 2 con số và đây là thành công lớn cũng như động lực thúc đẩy ngành phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.



Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng của đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2018

(Nguồn: VIFORES, FBA Bình Định, HAWA, ForestTrend và Tổng cục Hải quan)

Theo số liệu Tổng cục Hải quan năm 2018, đồ gỗ và các sản phẩm gỗ vẫn là các mặt hàng

xuất khẩu chủ lực lớn trong mười mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sau điện thoại

các loại & linh kiện (49,08 tỷ USD); hàng dệt may (30,49 tỷ USD); máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện (29,32 tỷ USD); hàng nông sản (17,8 tỷ USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng (16,55 tỷ USD); giày dép các loại (16,24 tỷ USD); gỗ và các sản phẩm gỗ (8,91 tỷ USD), hàng thủy sản (8,8 tỷ USD); phương tiện vận tải và phụ tùng (7,96 tỷ USD) và đứng vị trí thứ 10 là máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (5,24 tỷ USD). Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ của nước ta tăng mạnh qua các năm với mức tăng bình quân trên 10%/năm trong vòng 5 năm qua. Mặc dù vậy, Việt Nam chỉ mới đáp ứng được 6% thị phần đồ gỗ và lâm sản của thế giới trong khi nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới là rất lớn.

3.2.2. Về thị trường xuất khẩu

Chế biến gỗ là một trong số ít ngành được đánh giá là hội nhập thành công, với kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh và đóng góp quan trọng vào thành tích xuất khẩu của Việt Nam và tạo dựng được vị trí trong xuất khẩu đồ gỗ toàn cầu. Cụ thể, xuất khẩu đồ gỗ hiện đứng vị trí thứ 7 trong 10 ngành xuất khẩu chủ lực của

Việt Nam. Trên bình diện thế giới, mặc dù có sự chênh lệch về số liệu từ các nguồn khác nhau, tất cả đều cho thấy Việt Nam nằm trong top các nước xuất khẩu lớn nhất thế giới, đứng vị trí thứ hai châu Á và thứ nhất ở khu vực Đông Nam Á. Theo số liệu từ Trung tâm nghiên cứu công nghiệp (CSIL), Việt Nam là nhà xuất khẩu đồ gỗ lớn thứ 6 thế giới, xuất khẩu chiếm tới trên 80% tổng giá trị sản phẩm sản xuất ra bởi ngành chế biến gỗ Việt Nam. Số liệu từ Trung tâm Thương mại quốc tế ITC (Trademap), Tính đến hết năm 2018, Việt Nam đã xuất khẩu đồ gỗ đến 171 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. 10 quốc gia có kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam lớn nhất đã chiếm tỷ trọng trên 85% với kim ngạch nhập khẩu đều trên 100 triệu USD/mỗi quốc gia, trong đó Hoa Kỳ chiếm trên 53% và là quốc gia duy nhất có kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam trên 1 tỷ USD. Tính tổng cho các quốc gia tại khu vực EU, Việt Nam cũng đã có giá trị xuất khẩu đồ gỗ vào khu vực này gần hơn 1 tỷ USD vào năm 2018, xếp thứ hai sau Hoa Kỳ.

Bảng 1. Mười thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam qua hai năm 2017 - 2018

TT	Thị trường	Năm 2017		Năm 2018		2018/2017	
		KNXK (1.000USD)	Tỷ trọng (%)	KNXK (1.000USD)	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch (1.000USD)	Tốc độ tăng (%)
1	Hoa Kỳ	3.266.772	42,65	3.897.259	43,75	630.487	19,3
2	Nhật Bản	1.022.465	13,35	1.147.206	12,88	124.741	12,2
3	Trung Quốc	1.068.081	13,95	1.072.353	12,04	4.272	0,4
4	Hàn Quốc	665.097	8,68	937.122	10,52	272.025	40,9
5	Anh	290.406	3,79	289.244	3,25	-1.162	-0,4
6	Úc	169.259	2,21	193.124	2,17	23.865	14,1
7	Ca-na-đa	158.894	2,07	166.203	1,87	7.309	4,6
8	Pháp	106.357	1,39	130.074	1,46	23.717	22,3
9	Đức	113.826	1,49	107.679	1,21	-6.147	-5,4
10	Ma-lai-xi-a	54.871	0,72	102.170	1,15	47.299	86,2
11	Khác	742.703	9,70	866.558	9,73	123.855	16,68
Tổng Cộng		7.658.729	100	8.908.992	100	1.250.263	16,32

(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

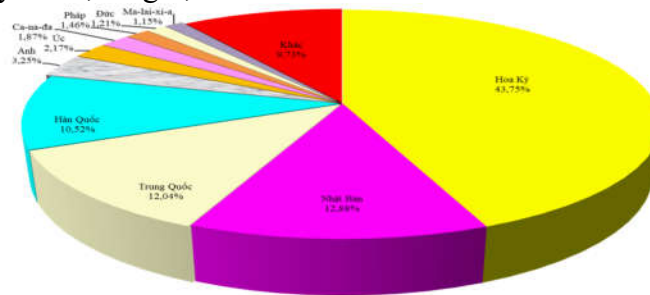
Năm 2015 ngành chế biến gỗ với kim ngạch xuất khẩu 6,899 tỷ USD tăng 10,71% so với năm 2014, chiếm 4,3% thị trường toàn cầu và thứ 6 của thế giới. Trong năm 2015, kim ngạch xuất khẩu sang 5 thị trường chủ lực: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Anh đều tăng rất mạnh so với năm 2014. Trong đó kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt trên 2,6 tỷ USD tăng 18,26% so với năm 2014

và chiếm 38,29% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của gỗ và sản phẩm gỗ chủ lực của Việt Nam năm 2015, tăng trưởng mạnh mẽ nhất là thị trường Hoa Kỳ với mức tăng là 12,72% về kim ngạch so với năm 2014 và chiếm tỷ trọng 38,29% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 2,43% so với năm 2014. Tiếp đến là thị trường Trung Quốc, tăng 12,72% về kim

ngạch so với năm 2014 và chiếm tỷ trọng 14,24% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Thị trường Nhật Bản cũng tăng 9,5% so với năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu của ngành năm 2016 đạt 7 tỉ USD, chỉ tăng 1,4% so với năm 2015 và có thể đây là năm mà ngành có tốc độ tăng thấp nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây do thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn về hàng rào kỹ thuật như sản phẩm cần có truy xuất nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn về nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, chứng chỉ rừng, tiêu chuẩn về môi trường, thuế quan... Năm 2017 kim ngạch xuất khẩu của ngành tăng 10,01% so với năm 2016.

Theo Tổng cục Hải quan, năm 2018 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 8,91 tỷ USD, tăng 16,32% so với năm 2017; tính riêng xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 6,3 tỷ USD, tăng 9,5% so với

năm 2017. Về thị trường xuất khẩu năm 2018, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ tăng trưởng cao, đạt 3,89 tỷ USD, tăng 19,3% so với năm 2017. Nhật Bản là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn thứ 2 trong năm 2018, đạt 1,147 tỷ USD, tăng 12,2% so với năm 2017. Ngoài ra, năm 2018 Việt Nam còn xuất khẩu nhiều gỗ và sản phẩm gỗ tới một số thị trường khác như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh, Úc, Ca-na-đa... Trong đó, đáng chú ý trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 937,1 triệu USD, tăng 40,9% so với cùng kỳ năm 2017. Tốc độ tăng trưởng gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc rất mạnh, điều này cho thấy các sản phẩm gỗ của Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này.



Hình 4. Cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam năm 2018
(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu: Năm 2018 cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không có nhiều biến động khi xuất khẩu sang hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với năm 2017, trừ xuất khẩu sang Đức, Anh có sự sụt giảm nhẹ. Trong đó có năm thị trường chiếm kim ngạch lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Anh lại chiếm 82,42% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu. Thị trường Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất với kim ngạch đạt gần 3,9 tỷ USD và tăng 19,3% so với năm 2017; kế tiếp là thị trường Nhật Bản với mức tăng trưởng 12,2% đạt 1,147 tỷ USD. Năm 2018, trong khi xuất khẩu sang Hàn Quốc, Úc, Pháp, Ma-lai-xi-a tăng mạnh thì xuất khẩu sang Trung Quốc và một số nước trong EU lại trường chậm lại.

3.2.3. Về sản phẩm gỗ và đồ gỗ xuất khẩu

Sản phẩm gỗ của Việt Nam rất đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như mẫu mã đáp ứng nhu cầu trang trí nội và ngoại thất phù hợp với nhu cầu của mọi tầng lớp dân cư

như gỗ xẻ, gỗ xây dựng, đồ mộc, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ, dăm mảnh, gỗ kết hợp vật liệu khác, ván nhân tạo và sản phẩm gỗ từ ván nhân tạo, sản phẩm từ lâm sản ngoài gỗ, dăm gỗ, ghé ngòl đệm, ghé ngòl loại khác, nội thất văn phòng, nội thất nhà bếp, nội thất phòng ngủ và các loại khác.

Ngày nay khi xã hội càng phát triển nhu cầu của con người về sản phẩm gỗ ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng nhưng nguồn nguyên liệu gỗ từ rừng tự nhiên và rừng trồng lại có xu hướng cạn kiệt và không đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất chế biến gỗ hiện tại. Điều này đòi hỏi ngành chế biến gỗ phải tìm ra sản phẩm thay thế hay tận dụng những phần gỗ dư thừa từ sản xuất để chế biến và tái chế. Do đó, công nghệ ép, nén ra đời tạo ra các sản phẩm ván dăm, ván nhân tạo, viên nén, ván ép... mà nguồn nguyên liệu được tạo ra từ chấu lúa, xơ dừa, gỗ vụn, củi, cành, lá, rễ của các cây gỗ được khai thác mà từ trước đến nay không tận dụng được. Mở ra một hướng mới cho sản xuất và chế biến gỗ mà nguyên liệu chủ yếu dựa

vào rừng tự nhiên hay rừng trồng.

Ngoài ra, để tạo thêm cho sản phẩm gỗ có sự đa dạng về mẫu mã, chủng loại, độ bền người ta còn thiết kế ra những sản phẩm đồ gỗ kết hợp với những kim loại, hợp kim, các sản phẩm phụ đính kèm như lục bình, song mây, tre nứa hay những vật liệu thay thế khác nhằm để tăng tính năng sử dụng của sản phẩm cũng như sự đa dạng về chủng loại sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm gỗ xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là các loại đồ gỗ ngoài trời, nội thất trong nhà, dăm gỗ. Theo tổng hợp của Tổng cục Hải quan và báo cáo của các Hiệp hội gỗ và Lâm sản trong 3 năm trở lại đây tỷ lệ các sản phẩm xuất khẩu như sau:

- Theo giá trị kim ngạch: Sản phẩm nội thất

(giường, tủ, bàn, ghế...) chiếm 51%; đồ gỗ ngoài trời chiếm 27%, nguyên liệu thô (chủ yếu là dăm gỗ) chiếm 17%; các loại ván nhân tạo và ván mỏng khác chiếm 5%.

- Theo khối lượng sản phẩm: nguyên liệu thô (chủ yếu là dăm gỗ) chiếm 62%, sản phẩm nội thất (giường, tủ, bàn, ghế...) chiếm 23%, đồ gỗ ngoài trời chiếm 13%, các loại ván nhân tạo và ván mỏng khác chiếm 12%.

Mặt hàng chủ yếu của ngành là đồ gỗ nội thất, gỗ tròn và xẻ, dăm gỗ, các loại ván và đồ gỗ khác. Năm 2018, đồ gỗ nội thất đạt kim ngạch 5,23 tỷ chiếm 60,2% tăng 2,66% so với năm 2017. Tiếp đến là gỗ tròn và gỗ xẻ năm 2018 tăng 99,09% với kim ngạch 1,349 tỷ USD và là mặt hàng có tốc độ tăng nhanh nhất, sản phẩm gỗ khác tăng 56,1% và dăm gỗ tăng 24,93% so với năm 2017.

Bảng 2. Các mặt hàng đồ gỗ và sản phẩm gỗ chủ yếu của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018

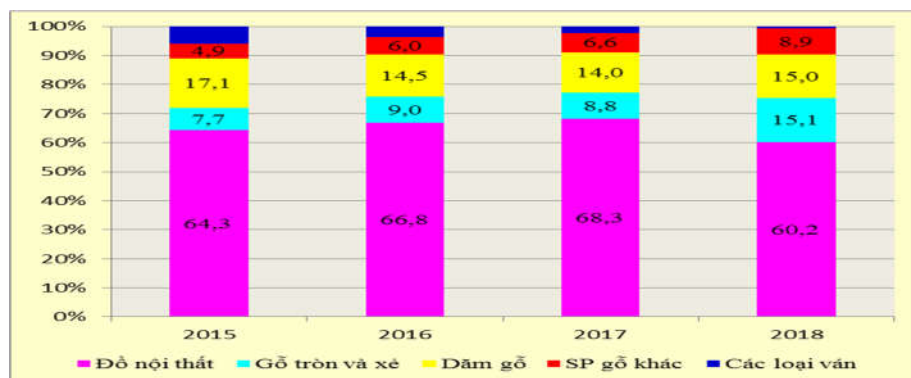
(ĐVT: triệu USD)

TT	Mặt hàng	2015	2016	2017	2018	2018/2017		Tốc độ tăng BQ 2015-2018 (%)
						Giá trị	%	
1	Đồ nội thất	4.316	4.540	5.230	5.366	136	2,60	7,66
2	Gỗ tròn và xẻ	514	615	678	1.349	671	99,09	43,00
3	Dăm gỗ	1.147	987	1.073	1.340	267	24,93	6,56
4	SP gỗ khác	329	407	506	790	284	56,10	34,70
5	Các loại ván	406	250	172	64	-108	-62,90	-44,12
Tổng cộng		6.712	6.799	7.659	8.909	1.250	16,32	10,09

(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

Về cơ cấu, sản phẩm đồ gỗ nội thất chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm trên 60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành), tiếp đến là dăm gỗ, gỗ tròn và gỗ xẻ. Dăm gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của ngành gỗ Việt Nam. Năm 2018, lượng dăm gỗ xuất khẩu đạt gần 10,4 triệu tấn khô, tăng 27%

so năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu đạt 1,34 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2017. Trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu đồ gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam có xu hướng chuyển dịch từ sản phẩm thô, sơ chế sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao.



Hình 5. Cơ cấu mặt hàng gỗ và đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018

(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

3.2.4. Đối với thị trường trong nước

Cho đến nay chưa có một thống kê đầy đủ nào về thị phần của các nhóm cung cấp cho thị trường đồ gỗ nội địa Việt Nam. Theo Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP. Hồ Chí Minh (HAWA), hiện có chưa quá 30 thương hiệu đồ gỗ Việt được người tiêu dùng Việt lựa chọn. Người tiêu dùng Việt Nam đang ưa chuộng sản phẩm đồ gỗ nội thất của Đức, Pháp ở phân khúc cao cấp hay sản phẩm của Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan... Thành phố Hồ Chí Minh, nơi được coi là tiêu thụ sản phẩm nội ngoại thất cao nhất cả nước, thì các thương hiệu kinh doanh nội thất lớn như Phó Xinh, SB Furniture, Kenli... đều kinh doanh sản phẩm nội ngoại thất nhập khẩu từ Châu Âu, Thái Lan hay Nhật Bản, Hàn Quốc... Đến nay, cả nước có khoảng trên 1000 làng nghề truyền thống và các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, khoảng 4.500 doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, trong đó doanh nghiệp tư nhân chiếm 95%, trong đó có khoảng 3,5% doanh nghiệp có vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng. Số doanh nghiệp chế biến sản phẩm xuất khẩu trên 1.800 doanh nghiệp, tăng hơn 300 doanh nghiệp so với năm 2017. Trong đó, doanh nghiệp trong nước chiếm 65%, còn lại là doanh nghiệp có vốn đầu tư hoặc liên kết, liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài. Số lao động của ngành khoảng 500.000 lao động trong ngành chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản, trong đó lao động được đào tạo, làm việc ổn định chiếm 55 - 60%. Tuy nhiên, sản phẩm chế biến gỗ của Việt Nam chỉ chiếm 20% thị trường trong nước và 80% thị phần trong nước nhập khẩu là do các công ty đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là những trong năm gần đây sản phẩm của Trung Quốc có mặt ở khắp thị trường Việt Nam.

Việt Nam với quy mô dân số trên 95 triệu người, với GDP tăng trưởng kinh tế luôn ổn định trên 6 - 7%/năm kể cả ở giai đoạn khó khăn, thị trường có quy mô dân số trẻ được cho là một thị trường có quy mô đáng kể và nhiều triển vọng. Theo kế hoạch hành động phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam giai đoạn 2014-2020 (QĐ số 957/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNN) thì bình quân tiêu dùng đồ gỗ trong giai đoạn 2010 - 2015 của Việt Nam khoảng 2,2 tỷ USD và khoảng 31,7

USD/người. Đối tượng tiêu dùng chủ yếu là các công trình dự án mới (khoảng 40% trị giá tại thị trường nội địa), người dân ở khu vực thành thị (30%) và ở nông thôn chỉ đạt mức (30%). Hiện tại thị trường đồ gỗ tiêu thụ nội địa tại Việt Nam ước tính đạt doanh số 4 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng đồ gỗ nội thất bình quân trong các năm gần đây khoảng 8%/năm. Đồ gỗ Việt Nam tại thị trường trong nước có ưu thế là giá cả hợp lý, nguồn gốc rõ ràng, mẫu mã phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người Việt... Bên cạnh đó ngành bất động sản đang hồi phục trở lại, kéo theo nhu cầu thiết bị nội thất, đồ gỗ cho các công trình cũng tăng theo, cho thấy dư địa tăng trưởng của ngành gỗ tại nội địa là rất lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh trong thời gian tới (VIFORES, 2018). Đây chính là cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước khai thác thị trường nội địa.

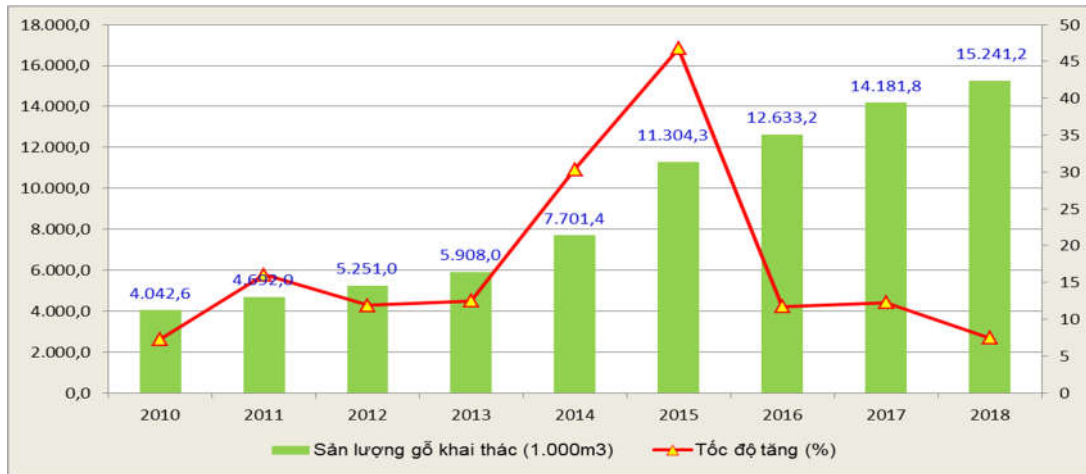
Như vậy, có thể thấy nhu cầu thị trường trên thế giới là rất lớn, tăng trưởng nhanh và đều đặn hàng năm, kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, nhu cầu tiêu dùng thị trường trong nước của người dân đối với đồ gỗ và sản phẩm gỗ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí tiêu dùng. Hơn nữa, nhu cầu trong nước cũng rất lớn nhưng vẫn chưa được sự chú trọng của các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ trong nước. Vậy đây là cơ hội rất lớn đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ nếu như trong tương lai các doanh nghiệp ngành gỗ biết nắm lấy cơ hội để chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

3.2.5. Về nguồn nguyên liệu cho sản xuất

Về tổng thể, nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ Việt Nam chủ yếu từ hai nguồn cơ bản: nguồn nguyên liệu gỗ trong nước (gỗ tự nhiên và gỗ rừng trồng) và nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Một điểm rất đặc trưng của ngành chế biến gỗ Việt Nam là sản xuất gắn chặt với nguồn cung nguyên liệu (gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp, các loại lâm sản ngoài gỗ).

3.2.5.1. Về nguồn cung trong nước

Theo công bố hiện trạng rừng của Việt Nam tính đến ngày 31/12/2018, toàn quốc có 14.491,3 (1.000 ha) diện tích có rừng; trong đó, rừng tự nhiên 10.255,5 (1.000 ha), rừng trồng 4.235,8 (1.000 ha) và với tỷ lệ che phủ rừng là 41,7% (GSO, 2018).



Hình 6. Sản lượng và tốc độ tăng trưởng gỗ khai thác của Việt Nam giai đoạn 2010-2018 (AgroInfo, GSO - 2018)

Với mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 11 tỷ USD vào năm 2019. Theo tính toán, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ tăng thêm 1 tỷ USD thì nhu cầu gỗ nguyên liệu tăng thêm khoảng 3,5 triệu mét khối. Mỗi năm, trong nước khai thác khoảng 18 - 19 triệu mét khối gỗ, nhưng chỉ có 2 - 3 triệu mét khối làm đồ gỗ, còn lại là dăm, các loại ván nhân tạo...” (Nguyễn Tôn Quyền, 2018). Như vậy, nguồn cung gỗ cho doanh nghiệp ngành gỗ đang thiếu hụt nghiêm trọng.

Với diện tích rừng hiện nay nguyên liệu gỗ trong nước mới chỉ đáp ứng được 75% nhu cầu, còn lại phải nhập khẩu. Cùng với đó, chất lượng nguyên liệu gỗ từ rừng trồng trong nước còn thấp do khai thác sớm, gỗ còn non, nguồn

gỗ từ rừng trồng còn thiếu chứng nhận về quản lý rừng bền vững... (Bộ NN&PTNN, 2018).

3.2.5.2. Về nguồn cung gỗ nhập khẩu

Sản lượng gỗ khai thác không cung ứng đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho chế biến gỗ nên ngành chế biến gỗ Việt Nam phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Kim ngạch nhập khẩu gỗ của Việt Nam liên tục tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2018, kim ngạch gỗ nhập khẩu cho chế biến 2.342,57 triệu USD tăng 7,57% so với năm 2017. Các nhóm nguyên liệu nhập khẩu là gỗ tròn chiếm 19,8%, gỗ xẻ chiếm 39,7%, ván các loại chiếm 24,1%, đồ gỗ nội thất chiếm 4,6% và 1,5% là các sản phẩm khác vào năm 2018.

Bảng 3. Giá trị và cơ cấu kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018

TT	Mặt hàng	2015		2016		2017		2018	
		Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Gỗ tròn	512	22,7	537	29,3	668	30,7	698	29,8
2	Gỗ xẻ	1.147	51,0	749	40,9	879	40,4	929	39,7
3	Ván các loại	473	21,0	427	23,3	506	23,2	565	24,1
4	Đồ nội thất	92	4,1	90	4,9	88	4,1	109	4,6
5	Sản phẩm khác	27	1,2	30	1,6	36	1,6	42	1,8
Tổng cộng		2.251,17	100	1.832,43	100	2.177,70	100	2.342,57	100

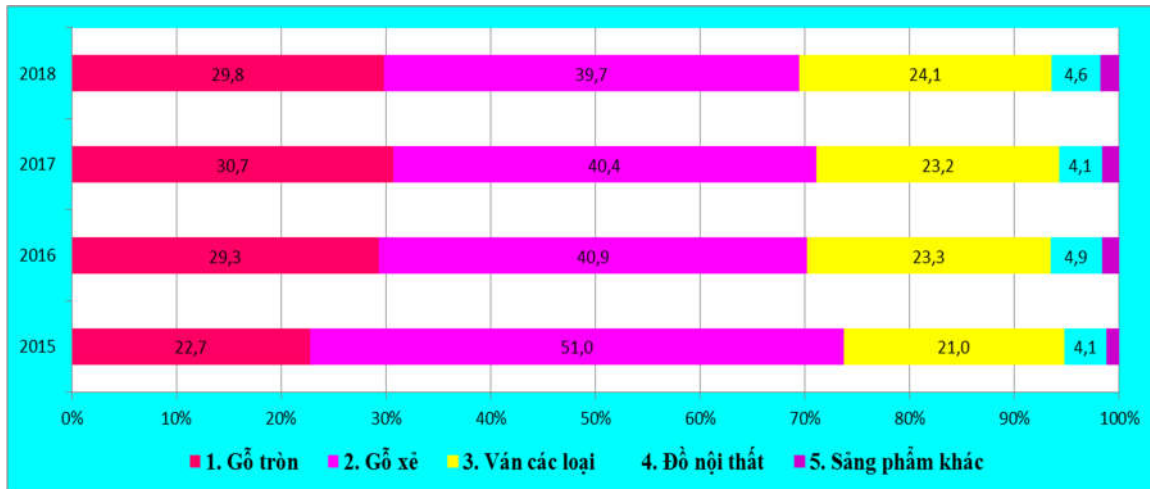
(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng gỗ từ trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, đứng đầu là châu Phi, kế đến Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Campuchia là 5 nguồn cung gỗ và sản phẩm gỗ quan trọng nhất cho

Việt Nam tính về giá trị kim ngạch nhập khẩu. Nguồn cung từ Hoa Kỳ chủ yếu là các loại gỗ nguyên liệu (tròn, xẻ), nguồn cung từ Trung Quốc chủ yếu là các loại ván, trong khi nguồn cung từ Campuchia và châu Phi

chủ yếu là các loài gỗ tự nhiên, bao gồm một số loài gỗ quý. Mức độ ổn định của các nguồn cung này khác nhau, với Hoa Kỳ và Trung Quốc có độ ổn định rất lớn, trong khi

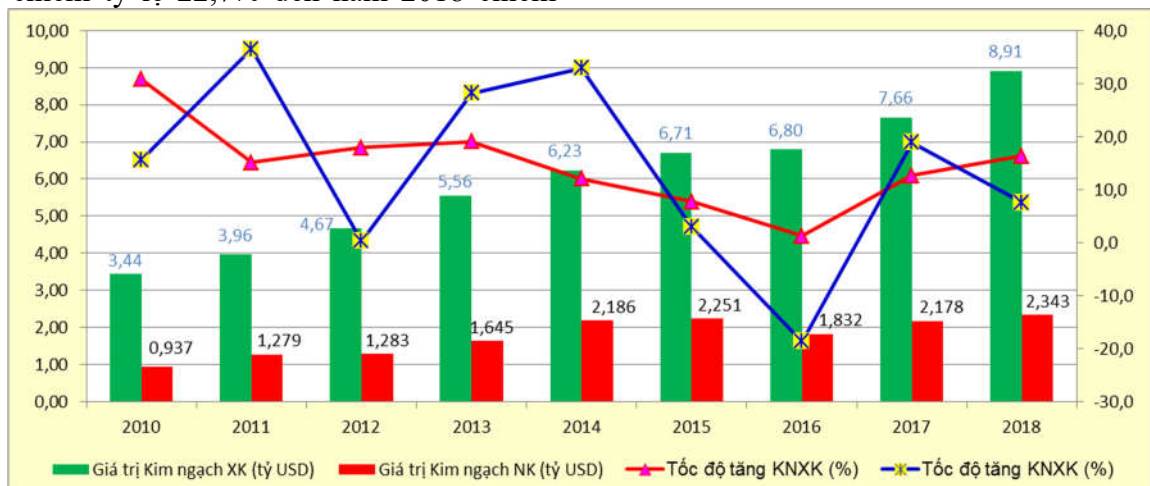
Campuchia và châu Phi có độ biến động và rủi ro về mặt pháp lý rất cao. Điều này ảnh hưởng đến việc sản xuất cũng như xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.



Hình 7. Sự thay đổi cơ cấu kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018
(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

Kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ từ các nước ngày càng tăng nhanh nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của ngành chế biến gỗ. Ba mặt hàng chủ lực nhập khẩu vào Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018 luôn chiếm trên 90% tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu. Tuy nhiên, năm 2015 kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn chiếm tỷ lệ 22,7% đến năm 2018 chiếm

tới 29,8%. Kim ngạch gỗ xẻ năm 2015 chiếm 51% thù đến năm 2018 tỷ lệ này chỉ còn 39,7%, kim ngạch các loại ván và đồ nội thất cũng có xu hướng tăng lên. Qua đó, có thể thấy xu hướng là tăng nhập khẩu các nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến và đồng thời gia tăng đồ gỗ nội thất phục vụ tiêu dùng nội địa.



Hình 8. Giá trị và tốc độ tăng xuất nhập khẩu đồ gỗ, Giá trị và tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018

(Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2019)

Qua bảng số liệu về kim ngạch xuất nhập khẩu của ngành chế biến gỗ cho thấy cán cân thương mại giữa xuất và nhập khẩu của ngành chế biến gỗ năm 2015 là 2,503 tỷ USD, giai đoạn 2015 - 2018 cán cân thương mại luôn dương và tăng nhanh cả về số tuyệt đối và tương đối, năm 2018 cán cân thương mại của

ngành dương 6,566 tỷ USD, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn này là 13,02%/năm. Cho thấy sự phát triển của ngành phát triển nhanh và có xu hướng tăng ổn định trong thời gian dài.

3.3. Cơ hội và thách thức phát triển thị trường đồ gỗ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

3.3.1. Về cơ hội

Cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ: Nhu cầu tiêu thụ của thị trường thế giới về đồ gỗ và các sản phẩm đồ gỗ là rất lớn, cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra ngày càng gay gắt, sản phẩm đồ gỗ Trung Quốc đang bị kiện chống bán phá giá trên thị trường Mỹ làm cho người dân Mỹ có xu hướng tẩy chay hàng hóa đồ gỗ do Trung Quốc sản xuất tiêu thụ các sản phẩm từ các thị trường khác thay thế. Trong nhiều năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu của ngành đồ gỗ và các sản phẩm gỗ tăng cao qua các năm và tăng trưởng ở mức hai con số, Việt Nam hiện là nước có ưu thế về sản xuất như nguyên liệu hợp pháp, tương đối ổn định; nhân công dồi dào, thủ công cao; sản phẩm chế biến đa dạng; một số doanh nghiệp có khả năng hiện đại hóa cao, phản ứng nhanh với hội nhập... đây chính là các động lực để ngành phát triển mạnh mẽ.

Việt Nam đã kết thúc đàm phán 2 hiệp định thương mại tự do (AFTA) với Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan và AFTA Việt Nam-Hàn Quốc sẽ tạo ra sự cạnh tranh cho hàng nội địa thông qua giảm thuế, thúc đẩy đầu tư mở rộng sản xuất, chú trọng công nghiệp hỗ trợ... Những cơ hội này còn được mở rộng hơn nữa khi Hiệp định đối tác toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết, FTA Việt Nam – EU (EVFTA) và khi Việt Nam đã gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015. Đặc biệt hơn nữa khi chính phủ Việt Nam ký Hiệp định FLEGT VPA thể hiện cam kết của chính phủ loại bỏ hoàn toàn gỗ bất hợp pháp ra khỏi tất cả các chuỗi cung, bao gồm cả chuỗi cung xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Việc tham gia ký kết các hiệp định song và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia và các khối liên minh cũng như tham gia vào thương mại nội khối AEC sẽ giúp duy trì và mở rộng thị trường cho sản phẩm gỗ Việt Nam đối với các thị trường lớn như Mỹ, EU, Australia, Nhật Bản, Trung Quốc, Châu Phi, AEC... nâng cao hình ảnh quốc gia và thương hiệu cho ngành chế biến gỗ. Cùng với đó, nền kinh tế Mỹ, EU, Nhật Bản... đang phục hồi nhanh chóng khiến nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ tăng cao. Việc Hoa Kỳ đang tạo áp lực về thuế chống phá giá đối với Trung Quốc - quốc gia sản xuất đồ gỗ lớn nhất thế giới, cũng tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng

giá trị xuất khẩu đồ gỗ trong thời gian sắp tới.

Ngành gỗ Việt Nam cũng đang đứng trước những thuận lợi lớn của đất nước đó là kinh tế vĩ mô ổn định, Nhà nước có những chính sách hỗ trợ ngành phát triển như quyết định số 2728/QĐ-BNN-CB/2012 của Bộ NN&PTNN về phê duyệt “quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”, quyết định số 919/QĐ-BNN-TCLN, quyết định số 957/QĐ-BNN-TCLN, quyết định 1003/QĐ-BNN-CB năm 2014, quyết định 889/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp nêu rõ: định hướng chính sách, qui hoạch phát triển ngành chế biến gỗ đến năm 2020, tập trung gia tăng tỷ lệ rừng kinh tế, phát triển rừng sản xuất thành ngành kinh tế quan trọng, chuyển cơ cấu xuất khẩu dăm gỗ sang cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ, giảm dần nhập khẩu... Ngoài ra, luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 1/1/2019 sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam tiếp tục triển khai chính sách phát triển lâm nghiệp bền vững và phát triển ngành gỗ xuất khẩu trong tình hình mới, đây là những lực đẩy quan trọng tiến tới đảm bảo nguồn nguyên liệu cho ngành gỗ.

Việt Nam ngày càng hoàn thiện các thể chế, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ xúc tiến thương mại ở nước ngoài, đăng ký bản quyền thương mại, cải cách môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành chế biến gỗ... từ phía Chính phủ sẽ tạo điều kiện cho ngành gỗ đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới.

3.3.2. Về thách thức

Bên cạnh những thuận lợi thì ngành chế biến gỗ cũng gặp những thách thức là phải đối mặt với việc gia tăng xu hướng bảo hộ của Chính phủ các nước đối tác. Thị trường Mỹ có luật Lacey, thị trường EU có kế hoạch tăng cường thực thi luật đối với gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu vào các quốc gia nội khối. Cụ thể, theo các qui định của FLEGT VPA, nguyên liệu dùng để chế biến gỗ phải có nguồn gốc xuất xứ, sản phẩm gỗ xuất khẩu sang EU phải có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm, không được trộn lẫn các sản phẩm gỗ hợp pháp và chưa được xác minh. Chẳng hạn, nếu là gỗ rừng trồng tại Việt Nam thì phải được khai thác theo đúng luật pháp Việt Nam, hoặc được

cấp chứng chỉ quản lý rừng của một bên thứ ba đáng tin cậy... Để đáp ứng yêu cầu này, doanh nghiệp trong ngành phải chuyên nghiệp hóa qui trình sản xuất, kinh doanh trên cơ sở tuân thủ luật pháp, bảo đảm nguồn gốc sản phẩm. Song thực tế phần lớn các doanh nghiệp chế biến gỗ nước ta hiện có qui mô vừa và nhỏ, thường mua gỗ của dân không lưu lại hồ sơ. Các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất đồ xuất khẩu phải nhập đến 70 - 80% nguyên liệu gỗ nhập khẩu, chi phí nhập khẩu gia tăng và hầu như các doanh nghiệp chưa quản lý được toàn bộ quá trình vận chuyển gỗ nên khó chứng minh được nguồn gốc xuất xứ. Nếu tình trạng này kéo dài, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không thể cạnh tranh nổi với những nước trong khu vực có khả năng tự cung ứng nguyên liệu như Trung Quốc, Malaysia, Indonesia... Xu hướng cạnh tranh các nước có xu hướng đặt ra các hàng rào kỹ thuật nhằm thắt chặt hơn việc quản lý nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm gỗ, đòi hỏi các nhà xuất khẩu phải có chứng nhận FSC, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường của sản phẩm... các rào cản này làm cản trở quá trình khai thác, chế biến, làm gia tăng chi phí, khó khăn cho việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu, thị trường đầu ra đối với ngành chế biến gỗ.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu lớn, tăng trưởng nhanh qua các năm nhưng hệ số lợi nhuận và giá trị gia tăng chưa cao mà nguyên nhân chính là do các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu lệ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu, không chủ động được sản xuất, phụ thuộc vào chính sách xuất nhập khẩu gỗ nguyên liệu cũng như chính sách tỷ giá làm gia tăng chi phí đầu vào. Chính vì vậy ngay từ bây giờ các doanh nghiệp ngành gỗ cần phải tập trung đầu tư cho vùng nguyên liệu, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, xây dựng qui trình sản xuất nguyên liệu gỗ bền vững đạt chứng chỉ yêu cầu do Mỹ, EU, AEC... đặt ra, đặc biệt chú trọng đối với việc đổi mới qui trình công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu... Để chuẩn bị cho sự phát triển của ngành thì đòi hỏi phải có sự đầu tư quyết liệt của các doanh nghiệp trong ngành cũng như cần có sự hỗ trợ đúng lúc, kịp thời để cho ngành chế biến gỗ phát triển mạnh và vươn ra thế giới.

Chất lượng mặt hàng gỗ Việt Nam nhìn

chung chưa cao; hiện mới chỉ có khoảng 10% doanh nghiệp chế biến gỗ tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế. Mẫu mã sản phẩm đồ gỗ Việt Nam còn đơn điệu, chưa thật sự phong phú, đa dạng và còn lệ thuộc vào mẫu mã của nước ngoài, nên kém sức cạnh tranh. Nhiều doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp lớn vẫn chạy theo gia công, chưa chú trọng đến việc đầu tư công nghệ, đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, thiếu các nhà thiết kế các sản phẩm gỗ mang bản sắc riêng nhưng có tính công nghệ cao.

Trên 90% sản phẩm gỗ Việt Nam phải bán qua khâu trung gian và chủ yếu được sản xuất, gia công, chế biến theo sự đặt hàng và thiết kế mẫu từ khách hàng nước ngoài. Theo Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNN), hiện chỉ có khoảng 300 doanh nghiệp chế biến gỗ FDI là có quy mô lớn, tạo ra khoảng 50% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ cả nước. Các doanh nghiệp FDI, liên doanh và một số doanh nghiệp trong nước có khả năng đầu tư công nghệ, thiết bị tiên tiến có khả năng tự sản xuất theo thiết kế và có thể tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng. Còn lại, phần lớn các cơ sở chế biến gỗ có công nghệ, thiết bị còn lạc hậu, chưa được đầu tư đúng mức về các công đoạn như sấy gỗ, hoàn thiện bề mặt sản phẩm...

Qui mô tiêu thụ của thị trường trong nước còn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, thị trường nội địa đang bị bỏ ngỏ cho các nhà sản xuất xuất khẩu các nước láng giềng, đặc biệt là các nhà sản xuất đồ gỗ Đông Nam Á (thậm chí có số liệu cho rằng đồ gỗ từ Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong, Malaysia và Thailand chiếm khoảng 80% thị phần đồ gỗ Việt Nam, ngành sản xuất nội địa chỉ cung cấp khoảng 10 - 20% nhu cầu trong nước). Tuy nhiên, trên thực tế do không có số liệu thống kê đầy đủ về các thị trường, đặc biệt thị trường khu vực nông thôn và tiêu dùng cá nhân ở thành thị (nơi được cho là sử dụng nhiều đồ gỗ nội địa do thu nhập hạn chế, ít khả năng tiêu thụ sản phẩm nhập khẩu) nên rất khó xác định chính xác thị phần tiêu thụ đồ gỗ nội địa. Hơn nữa, những số liệu gián tiếp về lượng tiêu thụ gỗ nguyên liệu cho thấy một thực tế khác về thị phần của các nhà sản xuất chế biến gỗ nội địa trên thị trường Việt Nam có 340 làng nghề gỗ, bình quân mỗi năm tiêu thụ gần 1 triệu m³ gỗ nguyên liệu và sản phẩm từ các làng nghề này hầu hết chỉ

cung cấp cho sản xuất nội địa. Ngoài ra, các sản phẩm đồ gỗ xây dựng, gỗ gia dụng (cửa, tủ bếp, ván sàn...) hầu hết là sản phẩm nội địa do đồ gỗ nước ngoài giá cao, chỉ phù hợp với tầng lớp trung thượng lưu. Hiện Việt Nam mới có một số ít hệ thống kênh phân phối nội địa, quy mô nhỏ. Việc thiếu kênh phân phối là một điểm yếu nhất của thị trường đồ gỗ Việt Nam hiện nay (VIFORES). Nguyên nhân chính do các cửa hàng bán lẻ đồ gỗ phần lớn là độc lập theo kiểu bán buôn nhỏ hoặc tự sản tự tiêu, chưa có hệ thống kênh phân phối đủ mạnh để phủ sóng cả nước và định hướng tiêu dùng nội địa. Bên cạnh đó còn thiếu những chính sách hỗ trợ phát triển thị trường nội địa.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong những năm qua ngành công nghiệp chế biến gỗ đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, không ngừng tăng nhanh về số lượng, chất lượng cũng như chủng loại sản phẩm. Các sản phẩm gỗ của Việt Nam không chỉ có uy tín và tiêu thụ trong nước mà được tiêu thụ ở hơn 120 quốc gia trên thế giới với hơn 3.000 mặt hàng sản phẩm các loại đưa Việt Nam trở thành một trong năm nước có giá trị xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất thế giới. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong hơn 10 năm vừa qua nhưng ngành chế biến gỗ vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững, cụ thể là chất lượng sản phẩm sản xuất có giá trị chưa cao, thiếu thông tin trên thị trường, thiếu nguồn vốn đầu tư và máy móc thiết bị còn lạc hậu và tay nghề của người lao động thấp, lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa có thương hiệu riêng cho sản phẩm, không chủ động được nguồn nguyên liệu mà phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập từ bên ngoài với khoảng 70 - 80% nhu cầu nguyên liệu gỗ của cả nước, sản phẩm bị cáo buộc về việc sử dụng nguồn nguyên liệu bất hợp pháp, chưa khai thác hết khả năng vốn có để nâng cao hiệu quả, hầu hết các doanh nghiệp chế biến gỗ đều có quy mô vừa và nhỏ, chưa có sự liên kết với nhau... đã khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với thế giới đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế thế giới hiện nay.

Xuất phát từ những thách thức đặt ra đối với ngành chế biến gỗ, cần có một số kiến nghị như sau:

Đối với Chính Phủ cần có các kế hoạch hỗ

trợ các doanh nghiệp chế biến gỗ từ khâu tạo nguyên liệu đầu vào, thắt chặt và thực thi luật lâm nghiệp, kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc nguyên liệu gỗ nhập khẩu, chính phủ cần tập trung ưu tiên đầu tư vào các khâu như đào tạo tay nghề, xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, chú trọng tạo điều kiện để các doanh nghiệp khai thác thị trường nội địa, đàm phán các hiệp định thương mại tự do đa và song phương, kết nối các khâu trong chuỗi cung theo hướng tạo sự chuyển đổi đột phá trong mô hình phát triển, tiếp tục cải các thể chế, tạo môi trường hành lang pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp và kêu gọi đầu tư thúc đẩy ngành chế biến gỗ phát triển.

Đối với các Hiệp hội chế biến gỗ cần thu thập thông tin về các nguồn cung cấp gỗ nguyên liệu hợp pháp, tuyên truyền ý thức chấp hành và tuân thủ các qui định của các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, thành lập các sàn giao dịch gỗ và các sản phẩm gỗ từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra, tìm kiếm và hỗ trợ các doanh nghiệp trong chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, xúc tiến thương mại... làm cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Nhà nước, cần kịp thời phản ánh những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn sản xuất, giúp cho cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt và có các giải pháp kịp thời, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu.

Đối với các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ cần nâng cao nhận thức khi sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào hợp pháp, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, tăng cường sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tăng cường đào tạo và tự đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất, đổi mới dây truyền công nghệ, hiện đại hóa công nghệ sản xuất, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài nhằm thúc đẩy xuất khẩu đồng thời đẩy mạnh và khai thác tối đa thị trường trong nước, xây dựng hình ảnh và thương hiệu, nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Để cho ngành chế biến gỗ phát triển nhanh và tăng trưởng bền vững thì cần đòi hỏi có sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ và các Hiệp hội đóng vai trò hỗ trợ thúc đẩy, tạo môi

trường kinh doanh thuận lợi, ngoài ra cũng cần có sự nỗ lực của các doanh nghiệp chế biến gỗ trong việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nhằm đưa sản phẩm đồ gỗ Việt Nam đến tay người tiêu dùng trong nước và vươn ra thị trường thế giới, thúc đẩy tăng trưởng của ngành ngày càng nhanh và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrea Sujová1, Petra Hlaváčková1, Katarína Marcineková (2015) “Evaluating the competitiveness of wood processing industry” DRVNA INDUSTRIJA 66 (4) 281-288 (2015).
2. AGROINFO (2018), “Báo cáo thường niên ngành gỗ Việt Nam 2018 và triển vọng 2019”, Báo cáo thường niên ngành gỗ của Viện Chính sách và Chiến lược - Bộ NN&PTNN.
3. Bộ Công thương: Bản tin thị trường Nông, Lâm, Thủy Sản.
4. Chính Phủ (2019), “Tài liệu báo cáo ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018 - thành công, bài học kinh nghiệm; giải pháp bứt phá năm 2019”. Hà Nội, ngày 22/02/2019.
5. H.Norini and A.R.Rohana (2009) “Wooden furniture industry productivity, cost of production for certain selected products, primary input content and policies for sustainability”. PD 192/03 Rev.3 (M) Technical Report

No.II. ISBN 978-967-5221-19-4.

6. Norchahaya Binti Hashim (2011): “Sustainability of Resources For Wood - Based Industry” by WBCSD’s Sustainable Forest Products industry (SFPI) working group and Bank of America.
7. Tô Xuân Phúc và cộng sự (2019): “Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ 2018: Một năm nhìn lại và xu hướng năm 2019”. Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hội chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Tổ chức Forest Trends.
8. Nguyễn Tôn Quyền (2015), “Thực trạng ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam”. Hà Nội: Hiệp hội chế biến gỗ Việt Nam.
9. Trần Văn Thắng và cộng sự (2011): “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam” được đăng trên Tạp chí Quản lý kinh tế, số 38, 12/2011 ĐH Cần Thơ.
10. Trang web:
+ Tổng cục hải quan:
(<https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQua/Default.aspx>);
+ Tổng cục thống kê:
(<https://www.gso.gov.vn/xnkh/>)

DEVELOPING VIETNAM'S WOODEN MARKET IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Tran Van Hung¹, Vu Thu Huong¹

¹*Vietnam National University of Forestry – Southern campus*

SUMMARY

The paper aims to clarify the current situation developing of Vietnam's wooden furniture market in the context of international integration. The research results show that, in recent years, the world demand for furnitures are very large and grows steadily over 3%/year, Vietnam's wooden furniture industry has had a strong development and achieved remarkable achievements: export turnover increased rapidly; wooden products and wooden furniture are increasingly abundant and diverse; the wooden products with high added value; consumed in many countries and major markets around the world; the timber industry is increasingly autonomous in terms of production materials and legal timber. But Vietnam's wooden products and wood products account for only a small portion of the world market share; the wood processing industry also faces challenges of facing increased protectionism by partner governments; export products are still mainly raw products; the domestic consumption market has not been fully exploited and there is a lack of policies to support domestic consumption. Besides, the article also analyzes the opportunities and challenges of our wooden furniture market in the context of international integration. Stemming from all these facts, this article proposes some recommendations to the Government, Vietnam wood processing association and wood processing enterprises to promote the development of wood processing industry in the coming time.

Keywords: Challenges, developments, furniture market, international integration, opportunities.

Ngày nhận bài : 23/8/2019
Ngày phản biện : 14/10/2019
Ngày quyết định đăng : 21/10/2019